

Số: 218/QĐ-CVĐTND

Hải Phòng, ngày 07 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố công khai dự toán phân bổ kinh phí phục vụ công tác thu phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng năm 2025 cho Cảng vụ Đường thủy nội địa Hải Phòng

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA HẢI PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 24/01/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thành lập Cảng vụ Đường thủy nội địa Hải Phòng, thuộc Sở Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc điều chuyển nhiệm vụ thu phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng từ Sở Tài chính sang Cảng vụ Đường thủy nội địa Hải Phòng trực thuộc Sở Giao thông vận tải thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phân bổ kinh phí phục vụ công tác thu phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-SXD ngày 07/05/2025 của Sở Xây dựng về việc phân bổ kinh phí phục vụ công tác thu phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng năm 2025 cho Cảng vụ Đường thủy nội địa Hải Phòng;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu phân bổ kinh phí phục vụ công tác thu phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng năm 2025 cho Cảng vụ Đường thủy nội địa Hải Phòng.

(Theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.



Điều 3. Phòng Tổng hợp, các Đại diện Cảng vụ và các tổ chức cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *h*

- Sở Xây dựng; (để báo cáo)
- KBNN Khu vực I;
- Như Điều 3;
- Lưu: CVĐTND.



GIÁM ĐỐC

[Signature]
Nguyễn Trọng Đại

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Tên đơn vị được giao dự toán: Cảng vụ Đường thủy nội địa Hải Phòng

Mã số đơn vị sử dụng NSNN: 1109448

Mã KBNN nơi giao dịch: 0061

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-CVĐTND ngày / /2025)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã loại, khoản	NỘI DUNG	TỔNG SỐ ĐƯỢC GIAO	TỔNG SỐ ĐÃ PHÂN BỐ	GHU CHÚ
A		TỔNG DỰ TOÁN PHÍ, LỆ PHÍ, HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP	-	-	-
I		Tổng số thu, chi phí, lệ phí	-	-	-
1		Số thu phí, lệ phí	-	-	-
1.1		Lệ phí	-	-	-
1.2		Phí	-	-	-
2		Số phí, lệ phí nộp NSNN	-	-	-
2.1		Lệ phí	-	-	-
2.2		Phí	-	-	-
3		Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-
B		TỔNG DỰ TOÁN CHI NSNN	9.196	9.196	
I		Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.300	4.300	
1		Thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền, liên lạc	2.386	2.386	
2		Chi thuê mướn, thuê dịch vụ	320	320	
3		Các khoản chi khác có liên quan đến công tác thu phí	1.594	1.594	
3.1		Chi bảo trì phần mềm thu phí (hàng năm)	96	96	
3.2		Chi bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống phần cứng máy chủ (hàng năm)	498	498	
3.3		Chi khác phục vụ công tác thu phí hạ tầng cảng biển	1.000	1.000	
II		Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.896	4.896	
1		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	800	800	
2		Chi mua sắm, sửa chữa duy tu tài sản, phần mềm, hệ thống thu phí	790	790	
2.1		Chi mua sắm, sửa chữa duy tu thường xuyên tài sản, máy móc thiết bị, hệ thống máy chủ phục vụ công tác thu phí.	500	500	
2.2		Mua sắm 01 máy photocopy	90	90	
2.3		Chi nâng cấp phần mềm thu phí tự động	200	200	
3		Chi đảm bảo An toàn thông tin hệ thống thu phí	3.306	3.306	
3.1		Phương án quản lý truy cập giữa các vùng mạng và phòng chống xâm nhập (Gói dịch vụ/năm)	220	220	
3.2		Phương án chặn lọc phần mềm độc hại trên môi trường mạng (Gói dịch vụ/năm)	165	165	
3.3		Phương án cân bằng tải và dự phòng nóng cho các thiết bị mạng chính: Mua bổ sung 01 thiết bị Chữ ký số (bổ sung dự phòng - đảm bảo an toàn thông tin hệ thống cấp độ 3	1.265	1.265	
3.4		Phương án cân bằng tải và dự phòng nóng cho các thiết bị mạng chính (Gói dịch vụ/năm)	198	198	
3.5		Phương án phòng chống tấn công từ chối dịch vụ (Gói dịch vụ/năm)	110	110	
3.6		Phương án giám sát an toàn hệ thống thông tin tập trung (Gói dịch vụ/năm)	165	165	
3.7		Phương án phòng, chống thất thoát dữ liệu (Gói dịch vụ/năm)	330	330	
3.8		Phương án phòng chống tấn công mạng cho ứng dụng web; sử dụng Sản phẩm Tường lửa ứng dụng web (Gói dịch vụ/năm)	220	220	
3.9		Nâng cấp phần mềm thu phí tự động đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin hệ thống cấp độ 3	49	49	
3.10		Chi phí khác (tư vấn, khảo sát, lập hồ sơ, kiểm thử QLDA...)	584	584	